

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 357/BC-MDF.QT

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện SXKD năm 2020
Và phương hướng nhiệm vụ năm 2021

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Tình hình chung.

Năm 2020 là năm đầy những biến động thách thức và khó khăn từ tác động kép của dịch bệnh và thiên tai. Ngay những tháng đầu năm dịch bệnh (covid-19) đã lan rộng, ảnh hưởng bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, sinh hoạt của người dân bị hạn chế, bức tranh kinh tế rất ảm đạm, tăng trưởng kinh tế thế giới âm, rất ít nước có tăng trưởng dương. Vì vậy ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cụ thể:

Sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được, tồn kho tăng cao đạt mức kỷ lục từ trước tới nay trên 22.000 m³, doanh số giảm sút nghiêm trọng, đời sống cán bộ CNV không đảm bảo, ngày cộng lao động phải cắt giảm để luân phiên nhau duy trì tồn tại, tinh thần bị giao động bởi dịch covid-19 rất nghiêm trọng. Từ đó kết quả sản xuất của Công ty trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt 31% kế hoạch đề ra, về kinh doanh tất cả các chỉ số doanh thu, sản lượng tiêu thụ giảm sút 30% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh thua lỗ đến 5,23 tỷ đồng.

Qua tháng 7 kinh tế dần khởi sắc trở lại, các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiến triển theo chiều hướng tốt, thì tháng 8 bóng đen covid-19 quay trở lại tại Đà Nẵng và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thêm lần nữa. Nên Công ty vốn đã khó khăn nay lại khó khăn thêm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn thấp.

Ảnh hưởng đến công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty bởi covid-19 lần 1 là vận chuyển hàng hóa giao đến khách hàng trên các thị trường. Nguyên nhân do phía Trung Quốc đưa ra chính sách hạn chế biên giới để hạn chế lây lan virus Corona nên các xe vận tải không trả hàng được, Công ty không thể giao hàng đến khách hàng dẫn đến sản lượng tồn kho tăng lên rõ rệt, bên cạnh đó các nhà xe cũng yêu cầu tăng giá cước vận chuyển để đảm bảo đủ chi phí, nếu không tăng giá cước họ sẽ kết hợp các đơn vị khác trả cước vận chuyển cao hơn và thanh toán ngay nên lượng xe về đóng hàng cho công ty không đủ, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ giao hàng. Đến lúc tiêu thụ khởi sắc thì Công ty lại khan hiếm phương tiện vận chuyển do các đối tác tập trung vận chuyển những nơi có giá cước cao hơn.

Bên cạnh những yếu tố trên, vấn đề thanh toán công nợ của khách hàng trong thời điểm này thực sự là khó khăn. Công ty đã nhận được nhiều công văn từ khách hàng về việc xin kéo giãn công nợ thanh toán lên 30 ngày đến 60 ngày các hóa đơn đến

hạn thanh toán của hoạt động sản xuất, bán hàng diễn ra khá chậm và việc thu hồi công nợ khó khăn, lượng hàng hóa sản phẩm tồn kho nhiều.

Nếu như thành phẩm tồn kho đầu năm 2019 là 10.607 m³ (41,26 tỷ đồng) thì đầu năm 2020 thành phẩm tồn kho tăng lên 19.757 m³ với giá trị 75,66 tỷ đồng. Đỉnh điểm tồn kho lên đến 23.300 m³ vào tháng 4, 5 đạt mức kỷ lục từ trước tới nay, giá trị thành phẩm tồn kho lên đến 93 tỷ đồng.

Nợ phải thu khách hàng đầu năm 2019 là 101,73 tỷ đồng thì đầu năm 2020 tăng lên 130,711 tỷ đồng. Và trong năm 2020, những tháng đầu năm tình hình công nợ và tồn kho diễn biến theo chiều hướng tăng cao và đạt đỉnh chưa từng xảy ra đối với công ty là vào tháng 4,5, nợ phải thu trên 140 tỷ đồng cụ thể theo bảng sau.

BIỂU 01: HÀNG TỒN KHO VÀ NỢ PHẢI THU

Giá trị đầu tháng	ĐV	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Gỗ MDF tồn kho	m ³	19.757	21.608	22.391	23.049	23.311	21.709
Giá trị tồn kho	Tỷ đ	75,66	82,04	84,57	89,54	93,00	87,17
Nợ phải thu	Tỷ đ	130,71	128,05	137,25	140,90	130,16	113,37

Giá trị đầu tháng	ĐV	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cuối năm
Gỗ MDF tồn kho	m ³	20.877	21.016	17.358	16.191	14.639	13.090	4.128
Giá trị tồn kho	Tỷ đ	83,05	81,96	64,98	59,91	52,48	46,90	15,597
Nợ phải thu	Tỷ đ	116,12	128,54	130,66	110,14	94,15	78,88	32,908

Với tinh thần vượt khó của toàn thể CB CNV Công ty trước thiên tai và dịch bệnh, vừa chống dịch, vừa khắc phục bão lũ lịch sử của Miền trung, vừa điều hành sản xuất. Nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ sau:

II. Kết quả thực hiện

1. Kết quả thực hiện so năm trước:

1.1 Tình hình sản xuất:

Sản xuất gỗ MDF: Năm 2020 công ty chứng kiến thời gian ngừng sản xuất chưa từng có, do ảnh hưởng bởi covid-19, 7 tháng đầu năm 2020 phải ngừng máy đạt kỷ lục, 88 ngày gần 3 tháng, hiệu suất sản xuất chỉ đạt 57%, kinh doanh thua lỗ. Trước bối cảnh khó khăn trên Công ty (đặc biệt Ban lãnh đạo) ngày đêm trăn trở tìm cách làm thế nào để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những suy nghĩ tích cực đó toàn bộ Lãnh đạo và CBCNV ngày đêm tìm tòi, cải tiến hiệu chỉnh dây chuyền thiết bị, khắc phục những lỗi của sản phẩm, nâng cao công suất dây chuyền, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tối đa sản phẩm hỏng, cắt giảm tiêu hao dư gia công không cần thiết trong thời gian nghỉ Covid. Vì vậy 5 tháng cuối năm 2020 sản phẩm sản xuất đạt chất lượng cao, giá thành sản xuất thấp, công suất sản xuất của dây chuyền nâng cao và vượt 30% công suất thiết kế nên đạt được kết quả là:

Tổng sản lượng sản xuất của cả 2 dây chuyền: 179.753,13 m³ đạt 88% kế hoạch được giao, bằng 87,53% so với năm trước (205.371 m³).

Chất lượng sản phẩm đạt chiếm 99,86% cao hơn năm trước 0,16% (năm trước đạt 99,71%).

Ván hỏng (bóng khí): chỉ đạt 0,14% thấp hơn năm trước 0,16%.

Sản xuất keo UF các loại: Sản lượng sản xuất keo năm 2020 đạt 26.197 tấn giảm 14% so năm trước (30.491 tấn) với tổng chi phí 164,71 tỷ đồng đạt giá thành sản xuất bình quân 6.287 đồng/kg giảm 12% so với năm 2019 (7.165 đồng/kg).

Trong tổng số 26.197 tấn keo các loại, Công ty xuất bán ra bên ngoài 6.117 tấn doanh số 43,64 tỷ đồng với giá bán bình quân 7.135 đồng/kg mang lại lợi nhuận từ kinh doanh keo 10,69 tỷ đồng.

Sản xuất formandehyde: Xưởng formandehyde năm 2020 công ty tổ chức sản xuất 15.742 tấn các loại đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất keo của công ty. Giá thành sản xuất for các loại 4.371 đồng/kg giảm 15% so năm trước 5.157 đồng/kg.

1.2 Tình hình tiêu thụ:

Trong tiêu thụ sản phẩm công ty tập trung cho dòng hàng nào có tính thanh khoản cao, công suất đạt tối đa, có biên độ lợi nhuận lớn nhằm thu hồi vốn nhanh, giảm hàng tồn kho. Vì vậy những tháng cuối năm 2020 công ty sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó và cơ cấu tiêu thụ chủng loại sản phẩm thay đổi nhiều so với năm 2019 cụ thể theo bảng sau:

BIỂU 02: CƠ CẤU SẢN PHẨM TIÊU THỤ SO VỚI NĂM TRƯỚC

TT	Loại gỗ MDF	Tiêu thụ 2019 (m ³)	Tiêu thụ 2020 (m ³)	% Tăng, giảm tiêu thụ
1	MDF tiêu chuẩn E2			
	MDF E2 thông thường	18.516,00	11.288,99	-39,03%
	MDF tiêu chuẩn E2 AC	2.163,73	1.609,73	-25,60%
	MDF tiêu chuẩn E2 MP	418,41	295,03	-29,49%
2	MDF tiêu chuẩn MMR	20.982,21	16.479,81	-21,46%
3	MDF tiêu chuẩn E1	2.358,09	528,65	-77,58%
4	MDF Carb P2 or EPA	34.234,46	70.111,88	104,80%
	MDF AC Carb P2 or EPA	179,52	1.597,02	789,61%
5	MDF HMR chống ẩm	41.563,76	34.165,33	-17,80%
6	HDF EPA	-	859,89	
	HDF 840	6.071,98	2.528,53	-58,36%
	HDF 800	36.158,27	20.031,96	-44,60%
	HDF E1	-	13,30	
	HDF SE2	3.341,89	1.788,26	-46,49%
7	HDF HMR	8.043,55	3.709,19	-53,89%
8	LDF tiêu chuẩn E2	12.211,58	9.664,19	-20,86%
	LLR tiêu chuẩn E2	-	13.881,68	
	MDF đóng gói	774,79	1.403,80	81,18%
9	MDF melamine	3.020,76	815,78	-72,99%
10	LMR 17mm		96,56	
	Tổng cộng	190.039	190.870	0,44%

1.3 Kết quả kinh doanh năm 2020:

Tất cả các yếu tố về giá bán, tiêu thụ đều giảm sâu so với cùng kỳ năm trước. Nhưng trong sản xuất công ty tiết kiệm tối đa chi phí, đặc biệt chú trọng sản xuất phải đạt chất lượng, hạn chế thấp nhất sản phẩm hư hỏng. Nhưng ảnh hưởng covid-19 trên phạm vi toàn cầu nên việc tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn, việc sản xuất kinh doanh phải ngưng trệ, vì vậy tất cả các chỉ tiêu thực hiện năm 2020 so năm trước cụ thể sau:

BIỂU 03: KẾT QUẢ SẢN XUẤT-KINH DOANH SO NĂM TRƯỚC

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	So năm trước
I	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
1	Sản lượng sản xuất gỗ	m3	179.753,13	205.371,00	88%
+	Sản lượng SX gỗ MDF đạt	m3	179.507,76	204.772,00	88%
+	Sản lượng gỗ MDF hỏng	m3	245,37	599,00	41%
2	Sản lượng tiêu thụ gỗ	m3	190.869,47	190.032,77	100%
+	Nội địa	m3	182.902,09	170.237,77	107%
+	Xuất khẩu	m3	7.967,38	19.795,00	40%
II	CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
1	Doanh thu	Tr đ	917.711	1.006.103	91%
-	Doanh thu SXKD gỗ MDF	Tr đ	869.863	945.824	92%
+	Xuất khẩu	Tr đ	41.453	107.637	39%
+	Nội địa	Tr đ	828.410	838.188	99%
-	Doanh thu Keo	Tr đ	43.644	58.830	74%
-	Doanh thu HĐTC	"	576	1.196	48%
-	Doanh thu khác	"	3.628	253	1433%
2	Tổng chi phí	"	886.026	971.614	91%
-	Chi phí SXKD gỗ MDF	"	798.407	859.072	93%
-	Giá vốn gỗ MDF	"	725.926	758.132	96%
-	Chi phí QLDN	"	12.032	16.685	72%
-	Chi phí bán hàng	"	60.450	84.254	72%
-	Chi phí kinh doanh keo	"	32.956	46.873	70%
-	Chi phí tài chính	"	50.680	65.504	77%
-	Chi phí khác	"	3.983	165	2419%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	31.685	34.490	92%

1.4 Lao động và thu nhập:

Công ty luôn chú trọng đến đời sống của người lao động, với phương châm “Người lao động và lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của Công ty” nên thu nhập của toàn bộ CBCNV trong công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, Người lao động và nghĩa vụ nộp thuế.

Các chế độ chính sách như BHXH, BHYT, BHTN, Kinh phí công đoàn vv... theo quy định của pháp luật. Công ty trích nộp đầy đủ, đúng hạn theo quy định.

Bên cạnh đó phát huy vai trò của các tổ chức trong đó có tổ chức công đoàn nhằm quan tâm, chăm lo đến đời sống của người lao động, xây dựng một tập thể đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty.

Tổng số cán bộ CNV toàn công ty đến 31/12/2020: 410 người trong đó:

- Cán bộ quản lý: 5 người
- Lao động trực tiếp: 354 người
- Lao động gián tiếp: 51 người

Thu nhập của CBCNV bình quân: 9.388.333 đồng/người/tháng. Trong đó:
Thực hiện đơn giá tiền lương theo kết quả kinh doanh trong năm 2020 Công ty thực hiện tổng quỹ tiền lương: 42.497.683.440 đồng.
Lương nghỉ phép năm đạt: 655.379.800 đồng.
Tiền ăn ca năm 2020: 2.661.647.500 đồng.
Phụ cấp độc hại: 375.886.000 đồng.

1.5 Nộp ngân sách Nhà Nước:

Tổng phải nộp ngân sách năm 2020 là: 65.116.631.062 đồng
Số đã nộp trong năm: 61.843.435.328 đồng trong đó:
+ Nộp tại ngân sách địa phương tỉnh: 55.921.595.362 đồng
+ Thuế hàng nhập khẩu: 5.921.839.966 đồng.

1.6 Tình hình đầu tư XDCB:

Năm 2020 công tác xây dựng cơ bản của công ty thực hiện không đáng kể, chỉ cải tạo, sửa chữa những hạng mục nhỏ lẻ, giá trị không lớn như cải tạo tường chắn kho dăm, mương thoát nước, vv.... Vốn tập trung chủ yếu nhằm trả nợ dài hạn có lãi suất cao, và trả nợ vốn thiếu năm trước. Vì vậy công ty phải điều chỉnh kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2020 đã duyệt về:

Phần Đầu tư xây dựng mới đã duyệt đầu năm là: 24,575 tỷ đồng xuống còn 3,458 tỷ đồng giảm 86 % về giá trị.

Phần Trả vốn vay dài hạn ngân hàng từ 61,5 tỷ đồng tăng lên 91,5 tỷ đồng tăng thêm 49% giá trị trả nợ.

Chi tiết thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 cụ thể theo bảng sau:

BIỂU 04: ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2020

TT	Nội dung	ĐVT	KH điều chỉnh 2020 đã duyệt	Thực hiện	Tỷ lệ so KH
A.	TỔNG NHU CẦU VỐN ĐT	Tr đ	97.958.256.000	98.286.422.015	100,3%
1.	Đầu tư XDCB trong năm	"	3.458.256.000	3.786.422.015	109,5%
	- Tổng xây lắp	"	458.256.000	959.149.288	209,3%
	- Tổng thiết bị " TB ")	"			
	- Phương tiện vận chuyển	"	3.000.000.000	2.827.272.727	94,2%
	- Tổng KTCB khác (KTCB#)	"			
	- Trả lãi vay tín dụng:	"			
2.	TT vốn thiếu năm trước	"	3.000.000.000	3.000.000.000	100%
3.	Trả nợ vay dài hạn	"	91.500.000.000	91.500.000.000	100%
B.	CHI TIẾT CÔNG TRÌNH	Tr đ	3.458.256.000	3.846.422.015	111,2%
I	Dây chuyền 2	"	3.458.256.000	3.846.422.015	111,2%
1	Xây lắp	"	458.256.000	959.149.288	209,3%
	Nhà bao che chống nhiệt máy ép	"	458.256.000	398.933.636	87%
	Mái che xe ô tô NM2	"		89.784.701	
	Sân bóng mini	"		470.430.951	
2	Thiết bị (Máy cưa 5.5kw)	"		60.000.000	
3	Phương tiện vận chuyển	"	3.000.000.000	2.827.272.727	94,2%

1.7 Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Đối với nợ dài hạn đầu tư dây chuyền 2 vay ngân hàng 681 tỷ đồng nhưng đến nay, trong thời gian ngắn đã trả được 379,4 tỷ đồng xuống còn 251,6 tỷ đồng vượt kế hoạch trả nợ giai đoạn 2016-2020 (320 tỷ) trên 59,4 tỷ đồng.

Đối với nợ ngắn hạn dư nợ đầu năm 1/1/2020 là 442,11 tỷ đồng đến 31/12/2020 dư nợ giảm xuống còn 343,885 tỷ đồng giảm 98,22 tỷ đồng.

Tổng tài sản của công ty năm 2020 đạt mức 1.280,27 tỷ đồng giảm 13,01% so với năm trước.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020 công ty thu được 31,685 tỷ đồng giảm 9,08% so năm trước cụ thể sau:

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

BIỂU 05: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,876
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,337
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,465
+ Vốn CSH/Tổng tài sản	%	0,535
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,870
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bq	Vòng	4,348
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,786
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	0,027
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,040
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,021
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	0,034

1.8 Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2020:

a. Về giá thành sản xuất:

Về giá thành sản xuất: Giá thành sản xuất bình quân năm 2020 đạt 3.632.963 đồng/m³ thấp hơn năm 2019 là 9,62% tương đương 386.853 đồng/m³. Những ảnh hưởng từng yếu tố đến giá thành sản xuất biến động lớn so với năm 2019.

Cụ thể như định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu đầu vào giảm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất giảm 5,16% đặc biệt riêng định mức tiêu hao nguyên liệu gỗ giảm ảnh hưởng đến giá thành giảm 3,01%. Cùng với giá cả nguyên nhiên liệu đầu vào năm 2020 giảm so với năm 2019 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và thiên tai nên ảnh hưởng

đến giá thành sản xuất giảm thêm 4,46% so với năm 2019, tổng cộng giá thành sản xuất giảm 9,62 % so với năm 2019.

b. Về giá bán và chi phí tiêu thụ:

Về giá bán và chi phí tiêu thụ: Giá bán bình quân năm 2020 là 4.557.373 đồng/m³ giảm 8,73% so năm 2019 (tương ứng 435.919 đồng/m³).

Về chi phí bán hàng năm 2020 giảm 28,6% so với năm trước tương đương 126.975 đồng/m³ trong đó các chi phí về vận chuyển, hoa hồng môi giới, chi phí tiếp khách giảm trên 50% so với năm trước, do trong năm 2020 ảnh hưởng dịch covid-19 nên việc xuất khẩu hàng hóa giảm sút nghiêm trọng. Vì vậy các chi phí trong việc xuất khẩu giảm theo, đặc biệt chi phí bao bì, đóng gói chiếm tỷ trọng gần 2% giá bán được công ty hạch toán trực tiếp vào giá thành sản xuất, cùng với các chi phí bán hàng tiết giảm trên tổng cộng chi phí tiêu thụ năm 2020 tiết giảm 2,55% so với giá bán năm 2019.

c. Về chi phí quản lý:

Thực hiện tiết kiệm tối đa toàn bộ các chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong quản lý, trong đầu tư xây dựng cơ bản. Cụ thể từ việc HĐQT không nhận thù lao năm 2020 đến việc tiết giảm tối đa các chi phí không cần thiết hoặc cần thiết nhưng phải kéo giãn thời gian của Ban điều hành, nên tất cả các hạng mục chi phí quản lý năm 2020 đều giảm so với năm trước.

Tổng chi phí quản lý năm 2020 giảm 32% so năm trước tương đương 29.772 đồng/m³, làm ảnh hưởng giảm 0,6% giá bán so năm 2019.

Với giá bán giảm 435.919 đồng/m³ nhưng chi phí sản xuất, chi phí tiêu thụ và chi phí quản lý giảm sâu hơn nên biên độ lợi nhuận vẫn đảm bảo so với năm trước. Vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh vẫn đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tình hình tiêu thụ kinh doanh năm 2020 hết sức khó khăn, giá bán giảm liên tục từ đầu năm đến cuối năm, sản lượng tiêu thụ chậm do cạnh tranh gay gắt về giá bán giữa các nhà máy sản xuất trong nước. Trước tình hình đó Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu gia tăng sản lượng tiêu thụ, tiết giảm chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản xuất nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đồng thời hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đề ra cụ thể:

BIỂU 06: KẾT QUẢ SẢN XUẤT-KINH DOANH SO KẾ HOẠCH

TT	Chỉ tiêu khối lượng	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so kế hoạch
1	Sản lượng sản xuất gỗ	m3	204.000	179.753,13	88%
	Sản lượng SX gỗ MDF đạt	m3	203.269	179.507,76	88%
	Sản lượng gỗ MDF hỏng	m3	731	245,37	34%
2	Sản lượng tiêu thụ gỗ	m3	200.115	190.869,47	95%
	Nội địa	m3	178.953	182.902,09	102%
	Xuất khẩu	m3	21.162	7.967,38	38%
	KQ KINH DOANH				
1	Doanh thu thuần	Tr đ	1.011.827	917.711	91%
-	Doanh thu SXKD gỗ MDF	Tr đ	986.260	869.863	88%

	Xuất khẩu	Tr đ	113.651	41.453	36%
	Nội địa	Tr đ	872.609	828.410	95%
-	Doanh thu Keo	Tr đ	25.567	43.644	171%
-	Doanh thu HĐTC	"	-	576	
-	Doanh thu khác	"	-	3.628	
2	Tổng chi phí	"	980.704	886.026	90%
-	Chi phí SXKD gỗ MDF	"	909.158	798.407	88%
	Giá vốn gỗ MDF	"	800.712	725.926	91%
	Chi phí QLDN	"	19.121	12.032	63%
	Chi phí bán hàng	"	89.325	60.450	68%
-	Chi phí kinh doanh keo	"	22.053	32.956	149%
-	Chi phí tài chính	"	49.494	50.680	102%
-	Chi phí khác	"	-	3.983	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	31.122	31.685	102%

Tổng doanh thu năm 2020 được 917,711 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch năm;

Sản lượng tiêu thụ năm 2020 là 190.869 m³ đạt 95% kế hoạch năm;

Lợi nhuận: Riêng kết quả kinh doanh trước thuế năm 2020: 31,685 tỷ đồng hoàn thành 102% kế hoạch lợi nhuận năm 2020;

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Nhận định năm 2021 là năm khó khăn hơn các năm trước về nguồn nguyên liệu cho sản xuất của công ty do ảnh hưởng của bão lũ năm 2020 nên việc khai thác rừng gây đổ đã hết, lượng gỗ tạp giá rẻ, chất lượng không còn. Và giá gỗ nguyên liệu đầu vào ở mức cao, dự kiến giá nguyên liệu bình quân năm 2021 là 820.000 đồng/tấn cao hơn năm 2020 (755.510 đồng/tấn) 8,5%. Tùy theo từng thời điểm cụ thể công ty sẽ đưa ra chính sách giá phù hợp với tình hình sản xuất của công ty nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu cho sản xuất liên tục của năm 2021.

Về sản xuất công ty hạn chế sản xuất theo đơn hàng cho từng khách hàng mà tập trung sản xuất sản phẩm đạt chất lượng chung cho toàn thị trường đáp ứng được nhiều khách hàng. Tránh sản phẩm sản xuất ra cho một khách hàng mà từ chối gây khó khăn cho việc tiêu thụ. Trong sản xuất công ty sẽ tập trung cho dòng hàng nào có tính thanh khoản cao, công suất đạt tối đa nhằm thu hồi vốn nhanh tránh rủi ro trong kinh doanh.

Về tiêu hao nguyên liệu: Công ty đã tận dụng thời gian nghỉ dịch covid-19 năm 2020 để khắc phục những lỗi, bổ sung, hoàn thiện dây chuyền máy móc thiết bị đạt mức tối ưu. Làm giảm tiêu hao nguyên liệu trên đơn vị sản phẩm so với các năm trước 10-15% ảnh hưởng đến giá thành sản xuất giảm nhiều so với các năm trước.

Về thị trường và giá bán: Giá bán bình quân năm 2021 dự kiến 4.771.277 đồng/m³ chỉ cao hơn năm 2020 là 3,5% nhưng thấp hơn năm 2019 là 4,11%. Do ảnh hưởng dịch covid vẫn chưa chấm dứt, nền kinh tế tăng trưởng dần dần trở lại nên giá bán vẫn còn thấp.

Với những dự báo, định hướng và điều kiện thiết bị dây chuyền trên công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV T	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ %
I	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
1	Sản lượng sản xuất gỗ MDF	M3	180.031,97	210.000,	117%
2	Sản lượng tiêu thụ gỗ MDF	M3	190.902,85	204.672,	107%
II	KẾT QUẢ KINH DOANH	Tr đ			
1	Tổng doanh thu		915.735	977.974	107%
1.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	'	911.542	977.974	107%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	'	564		
1.3	Hoạt động khác (gỗ MDF thứ phẩm)	'	3.628		
2	Tổng chi phí	'	884.555	944.673	107%
2.1	Chi phí sản xuất kinh doanh	'	830.462	900.838	108%
2.2	Chi phí hoạt động tài chính		50.388	43.835	87%
2.3	Chi phí khác (gỗ MDF thứ phẩm)	'	3.705		
3	Lợi nhuận trước thuế	'	31.685	33.301,38	105%

Để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021, nâng cao năng suất sản xuất công ty cần thiết phải thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2020 chuyển sang và bổ sung thêm một số hạng mục cần thiết trong năm kế hoạch 2021 được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tạm thỏa thuận theo công văn số 282/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 10/05/2021 với tổng giá trị 142.775 triệu đồng. Trong đó:

+ Mua sắm - Đầu tư XDCB: 32.775 triệu đồng;

+ Trả vốn vay dài hạn đến hạn: 110.000 triệu đồng.

cụ thể chi tiết công trình theo theo bảng sau:

B.	CHI TIẾT CÔNG TRÌNH	Đồng	Khối lượng	Giá trị
I	Dây chuyền 1			21.100.000.000
1	Xây lắp	Đồng		9.000.000.000
	Hệ thống PCCC dây chuyền 1			2.000.000.000
	Xây mới trạm cân NM1			400.000.000
	Nhà bao che + móng máy băm dăm	m ²	600	1.500.000.000
	Mở rộng kho chứa dăm	m ²	1400	2.100.000.000
	Đường, sân bãi bê tông	m ²	6000	3.000.000.000
2	Máy móc – Thiết bị			9.100.000.000
	Máy băm dăm dây chuyền 1	HT	1	7.000.000.000
	Kéo dài đường ống sấy MDF1			1.000.000.000
	Cải tiến chế tạo tách mù cao su			500.000.000
	Thiết bị Trạm cân			600.000.000
3	Phương tiện vận chuyển	Chiếc		3.000.000.000
II	Dây chuyền 2			7.000.000.000
1	Thiết bị			7.000.000.000
-	Thiết bị lọc dầu	HT	1	2.000.000.000
-	Cải tiến tiết kiệm hệ thống Chà bóng			5.000.000.000
III	Xưởng melamine(Xe nâng 5 tấn)			1.000.000.000
IV	Đầu tư trồng rừng	Ha	103	2.575.000.000
V	Xe con công tác	Chiếc	1	1.100.000.000

VI	Trả nợ vay dài hạn	Đồng	110.000.000.000
	Tổng cộng		142.775.000.000

Vì năm 2020 phải tập trung mọi nguồn lực tài chính cho sản xuất kinh doanh, giảm áp lực lãi vay vốn đầu tư dài hạn. Tập trung bảo dưỡng máy móc thiết bị, duy trì đời sống cán bộ công nhân viên có mức sống ổn định do ảnh hưởng bởi đại dịch covid-19. Nên năm 2020 Công dừng mọi hạng mục đầu tư, chỉ đầu tư những hạng mục thật cần thiết phục vụ cho sản xuất. Vì vậy kế hoạch đầu tư năm 2020 đã được phê duyệt công ty chuyển sang kế hoạch năm 2021: 21.635.000.000 đồng.

Kế hoạch ĐT-XDCB năm 2021 bổ sung thêm: 11.140.000.000 đồng chủ yếu tập trung vào dây chuyền 1, vì dây chuyền thiết bị ở đó đã hoạt động trên 19 năm gần gấp đôi thời gian khấu hao máy móc thiết bị, nên toàn bộ hệ thống thiết bị, sân bãi và nhà xưởng đều xuống cấp cần phải thay thế, sửa chữa và các hạng mục cần thiết phải đầu tư trong năm 2021 là:

1. Về xây lắp: 6,6 tỷ đồng các hạng mục như: Nhà xưởng kho chứa dăm 600 m² 1,5 tỷ đồng, Nền bê tông kho chứa dăm 1.400 m² 2,1 tỷ đồng, Xây mới đường, sân bãi bê tông khoảng 6.000 m² 3 tỷ đồng.

Do các công trình hiện đang sử dụng được xây dựng từ lâu bắt đầu từ năm 2001, thời gian sử dụng dài và chịu nhiều ảnh hưởng bởi mưa, gió, bão lũ nên không còn đáp ứng cho sản xuất công suất dây chuyền vượt 20% công suất thiết kế. Hơn nữa các công trình đang sử dụng nằm hơi xa so với nơi sản xuất, tốn chi phí nhiên liệu. Ngược lại các công trình dự kiến đầu tư nằm gần nơi sản xuất hơn, đất đai đang dễ trồng, cỏ mọc um tùm làm mất cảnh quan. Vì vậy cần thiết đầu tư để nâng cao năng suất sản xuất, tiết kiệm chi phí, tạo cảnh quang, môi trường sạch đẹp cho nhà máy.

2. Cần thiết phải đầu tư 01 xe xúc 3 tỷ - hiệu Komusu – Gàu mức 2,2 m³ tại nhà máy 1 do hiện tại công ty tăng cường nhập nguyên liệu gỗ dăm từ các nhà máy băm dăm về tỉnh về bãi tập kết của công ty. Nhằm đảm bảo cho các xe thay phiên nhau hoạt động liên tục, xúc dăm từ bãi vào hệ thống sản xuất của công ty. Đồng thời bổ sung dự phòng cho dây chuyền 1 khi cần thiết nên phải mua xe xúc phục vụ cho việc sản xuất đảm bảo được liên tục.

3. Xe con công tác 1,1 tỷ đồng: Hiện tại xe con công tác đã cũ, thời gian sử dụng đã lâu từ năm 2009 đến nay, nên xuống cấp, hư hỏng sửa chữa thường xuyên. Vì vậy để đảm bảo cho công tác điều hành thường xuyên Công ty phải mua mới 01 xe con để phục vụ điều hành, xử lý công việc kịp thời.

Trên đây kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021. Công ty xin báo cáo trước Đại hội để thảo luận và xin ý kiến biểu quyết.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Cty (để BC);
- Lưu VT



Cao Thanh Nam